

Số: /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày

tháng 8 năm 2020

KẾ HOẠCH
**Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ
của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2020**

Năm 2019, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh Đắk Lắk đạt 79,53 điểm, xếp vị thứ 50/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS) chiếm tỷ lệ 75,07%, chưa đạt chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ và thấp hơn mức trung bình chung của cả nước 9,38%. Để nâng cao Chỉ số PAR Index và Chỉ số SIPAS năm 2020, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục duy trì các chỉ số, chỉ số thành phần đạt kết quả cao; nâng cao các chỉ số, chỉ số thành phần chưa có sự cải thiện, đạt điểm thấp của Chỉ số PAR Index.

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế và nâng cao Chỉ số SIPAS; trong đó, trọng tâm là nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trong thực thi nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo chủ đề CCHC năm 2020 của tỉnh.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện công tác giải quyết TTHC, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của CBCCVC về trách nhiệm phục vụ Nhân dân.

- Phấn đấu Chỉ số PAR Index của tỉnh năm 2020 tăng vị thứ xếp hạng so với năm 2019 và Chỉ số SIPAS của tỉnh đạt trên 80%.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các cơ quan chủ trì các nội dung, lĩnh vực trong Chỉ số PAR Index cần đánh giá đúng kết quả thực hiện các nội dung CCHC liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý. Có giải pháp khắc phục, triển khai toàn diện, có hiệu quả các nội dung CCHC nhằm nâng cao Chỉ số PAR Index năm 2020 của tỉnh.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa

bàn tỉnh. Bố trí kinh phí, đầu tư trang bị và nâng cấp các thiết bị làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; thực hiện tốt việc tiếp nhận và giải quyết các TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tạo sự thoải mái cho người dân, tổ chức đến yêu cầu giải quyết TTHC.

- Nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19 theo Kế hoạch số 5426/KH-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả, toàn diện các Chương trình, Kế hoạch CCHC và các Kế hoạch chuyên đề... bảo đảm chất lượng, hoàn thành 100% Kế hoạch và theo đúng tiến độ, yêu cầu đề ra. Thực hiện đầy đủ và đúng tiến độ các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao.

- Đẩy mạnh các giải pháp thông tin, tuyên truyền CCHC bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của CBCCVC; đặc biệt là trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; nhận thức của người dân, tổ chức về công tác CCHC của tỉnh. Chú trọng tuyên truyền, phổ biến về công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC đảm bảo việc tuyên truyền phổ biến đến tận người dân ở thôn, buôn, tổ dân phố.

- Tăng cường công tác kiểm tra CCHC; hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị; xử lý kịp thời các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra trong cung cấp dịch vụ công; xử lý nghiêm những trường hợp không thực hiện giải quyết TTHC theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định, những CBCCVC gây những nhiễu, tiêu cực trong thực thi nhiệm vụ.

- Phát huy tính năng động, sáng tạo của các cơ quan, đơn vị trong công tác CCHC, trọng tâm trong năm 2020 là các giải pháp nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước.

2. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và triển khai các Kế hoạch: Theo dõi thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL...

- Tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, góp ý, thẩm định, kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản để góp phần nâng cao tính đồng bộ, thống nhất, hợp lý, khả thi của văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh.

- Kịp thời phát hiện những văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không còn phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới để đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời.

3. Cải cách TTHC, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Tổ chức triển khai Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo quy định, đảm bảo thực hiện 100% kế hoạch đề ra. Các vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý và kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.

- Kịp thời tham mưu công bố và thực hiện công khai, cập nhật TTHC trên Cổng Dịch vụ công tỉnh (liên thông với cổng Dịch vụ công Quốc gia), Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và tại nơi tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC.

- Đảm bảo 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ (100%) việc tiếp nhận hồ sơ TTHC thuộc cơ quan ngành dọc do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, yêu cầu thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định; 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong năm.

- Tiếp tục kiện toàn Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết cấp huyện, cấp xã; rà soát, sử dụng cán bộ, công chức có năng lực chuyên môn và có tinh thần trách nhiệm cao, có kỹ năng giao tiếp trong thực hiện nhiệm vụ, để phục vụ Nhân dân, để thực hiện tốt các nhiệm vụ.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, các kỹ năng trong giải quyết công việc hành chính và kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

4. Cải cách tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

- Tiếp tục rà soát quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành.

- Đảm bảo tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015 đạt từ 10% trở lên; tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015 đạt từ 10% trở lên. Tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh không vượt quá số lượng được cấp có thẩm quyền giao.

- Tổ chức thực hiện các quy định về phân cấp do Trung ương, tỉnh ban hành. rà soát và thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý qua kiểm tra.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC

- Tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC và thường xuyên kiểm tra mức độ hoàn thành kế hoạch; đặc biệt là việc tổ chức tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, thái độ giao tiếp cho đội ngũ CBCCVC làm việc tại Bộ phận tiếp công dân, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp.

- Thực hiện nghiêm, đúng quy định về bổ nhiệm, tiêu chuẩn, số lượng các chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy định về giao tiếp, ứng xử của CBCCVC.

6. Cải cách tài chính công

- Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2020 đạt tỷ lệ 100%.

- Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

- Giám chi trực tiếp ngân sách Nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh so với năm 2015 đạt từ 10% trở lên.

- Thực hiện tốt việc thanh tra, kiểm tra tài chính trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước theo quy định.

7. Hiện đại hóa hành chính, chủ động triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, phục vụ người dân, doanh nghiệp

a) Về ứng dụng CNTT

- Tổ chức triển khai có hiệu quả, kịp thời Kế hoạch ứng dụng CNTT và đảm bảo hoàn thành 100% các nội dung trong kế hoạch; xây dựng và triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh.

- Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh nhất là thông tin về CCHC, quy định hành chính, TTHC đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ, thuận tiện trong truy cập, khai thác.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội, đặc biệt là công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận với các dịch vụ công trực tuyến, Cổng Dịch vụ công trực tuyến đáp ứng đầy đủ các chức năng và yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

b) Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 hiện hành đúng thời hạn: 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đúng lộ trình.

8. Tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

- Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2020 tăng từ 20% trở lên so với năm 2019.

- Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh năm 2020 cao hơn so với năm 2019.

- Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp năm 2020 tăng so với năm 2019.

- Thực hiện thu ngân sách năm 2020 của tỉnh vượt chỉ tiêu từ 4% trở lên theo Kế hoạch được Chính phủ giao.

- Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) cao hơn so với năm 2019.

- Hoàn thành 100% hoặc vượt chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao.

(Mục tiêu phấn đấu, nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện cải thiện đối với từng nội dung, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được xác định.

- Thường xuyên kiểm tra việc giải quyết TTHC, đánh giá chất lượng phục vụ và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý, thông qua khả năng xử lý công việc và hành vi ứng xử của công chức với người dân để cải thiện mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về cung ứng dịch vụ công để người dân, tổ chức, doanh nghiệp hiểu và thực hiện.

- Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này (lồng ghép trong báo cáo CCHC) gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Giải trình và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả khảo sát của PAR Index, SIPAS năm 2020 tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Sở Nội vụ (Cơ quan thường trực công tác CCHC)

- Tổ chức thực hiện, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ được phân công.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện (lồng ghép trong báo cáo CCHC).

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định hiện hành.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Lắk tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về việc thực hiện cải thiện Chỉ số PAR Index, Chỉ số SIPAS năm 2020 của tỉnh, thông tin kịp thời những sáng kiến, giải pháp CCHC của tỉnh đến người dân, doanh nghiệp.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh giám sát, phối hợp triển khai Kế hoạch và tuyên truyền về việc thực hiện cải thiện Chỉ số PAR Index, Chỉ số SIPAS năm 2020 của tỉnh, thông tin kịp thời những sáng kiến, giải pháp CCHC của tỉnh đến người dân, doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch nâng cao Chỉ số PAR Index và Chỉ số SIPAS năm 2020 của tỉnh. Yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn
(do UBND cấp huyện sao gửi);
- Công TTĐT tỉnh, Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng, TT thuộc VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (D 7)

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục I

MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU CHỈ SỐ PAR INDEX VÀ CHỈ SỐ SIPAS NĂM 2020

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8 /2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Chủ trì tham mưu
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	8.5	6.5	8	
1.1	Thực hiện Kế hoạch CCHC năm	1.5	1.5	1.5	Sở Nội vụ
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	0.5	0	0.5	Sở Nội vụ
1.3	Kiểm tra CCHC	2	2	2	Sở Nội vụ
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1	1	1	Sở Nội vụ
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	2	1.5	2	Sở Nội vụ
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1.5	0.5	1	Văn phòng UBND tỉnh
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	10	8.67	9.4	
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TĐTHPL)	2	2	2	Sở Tư pháp
2.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát, hệ thống hóa	1.5	1.5	1.5	Sở Tư pháp
2.3	Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra	1.5	1.5	1.5	Sở Tư pháp
2.4	Tác động của cải cách đến chất lượng VB QPPL do tỉnh ban hành	5	3.66	4.4	Sở Tư pháp
2.4.1	<i>Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh</i>	<i>1</i>	<i>0.78</i>	<i>0.9</i>	<i>Sở Tư pháp</i>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Chủ trì tham mưu
2.4.2	<i>Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh</i>	1	0.79	0.9	Sở Tư pháp
2.4.3	<i>Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh</i>	1.5	1.04	1.3	Sở Tư pháp
2.4.4	<i>Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của tỉnh</i>	1.5	1.05	1.3	Sở Tư pháp
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	14	13.22	13.7	
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1	1	1	Văn phòng UBND tỉnh
3.2	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	3.5	2.75	3.2	Văn phòng UBND tỉnh
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3.5	3.5	3.5	Văn phòng UBND tỉnh
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	5	4.97	4.98	Văn phòng UBND tỉnh
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1	1	1	Văn phòng UBND tỉnh
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	12	7.74	10.9	
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	3.5	2.23	3.5	
4.1.1	<i>Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện</i>	1	1	1	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Chủ trì tham mưu
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	1.5	0.5	1.5	Sở Nội vụ
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	1	0.73	1	Sở Nội vụ
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	2.5	2.14	2.3	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0.5	0.5	0.5	Sở Nội vụ
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	0.5	0.5	0.5	Sở Nội vụ
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	1.5	1.14	1.3	Sở Nội vụ
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	1.5	0.5	1.5	
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0.25	0.25	0.25	- Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Sở Tài chính;
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý Nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0.25	0.25	0.25	- Sở Tài nguyên và Môi trường; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1	0	1	- Sở Nội vụ.
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	4.5	2.86	3.6	
4.4.1	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh	1.5	1	1.2	Văn phòng UBND tỉnh
4.4.2	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	1.5	0.91	1.2	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Chủ trì tham mưu
4.4.3	<i>Tinh hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước giữa tỉnh và huyện</i>	1.5	0.95	1.2	- Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Sở Tài chính; - Sở Tài nguyên và Môi trường; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Sở Nội vụ.
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	14	11.47	12.21	
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2	2	2	Sở Nội vụ
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	1	1	1	Sở Nội vụ
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	0.5	0.5	0.5	Sở Nội vụ
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	0.75	0.25	0.5	Sở Nội vụ
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1.75	1.25	1.25	Sở Nội vụ
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	1	1	Sở Nội vụ
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã	1	1	1	Sở Nội vụ
5.8	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức	2	1.68	1.84	
5.8.1	<i>Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức</i>	1	0.84	0.92	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Chủ trì tham mưu
5.8.2	<i>Tinh công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức</i>	1	0.84	0.92	Sở Nội vụ
5.9	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	4	2.8	3.12	
5.9.1	<i>Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc</i>	1	0.73	0.8	Sở Nội vụ
5.9.2	<i>Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc</i>	1	0.76	0.85	Sở Nội vụ
5.9.3	<i>Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc</i>	1	0.74	0.85	Sở Nội vụ
5.9.4	<i>Tình hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính</i>	1	0.57	0.62	Sở Nội vụ
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	12.5	8.41	11.9	Sở Tài chính
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	3	0.86	3	
6.1.1	<i>Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước hàng năm</i>	1	0.86	1	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6.1.2	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương</i>	1	0	1	Sở Tài chính
6.1.3	<i>Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách</i>	1	0	1	Sở Tài chính
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2	1	2	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Chủ trì tham mưu
6.2.1	<i>Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.5	0.25	0.5	Sở Tài chính
6.2.2	<i>Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0.5	0.5	0.5	Sở Tài chính
6.2.3	<i>Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý</i>	0.75	0	0.75	Sở Tài chính
6.2.4	<i>Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công</i>	0.25	0.25	0.25	Sở Tài chính
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	3.5	3.5	3.5	
6.3.1	<i>Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên</i>	1	1	1	Sở Tài chính
6.3.2	<i>Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên</i>	0.5	0.5	0.5	Sở Tài chính
6.3.3	<i>Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL</i>	1	1	1	Sở Tài chính
6.3.4	<i>Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015</i>	1	1	1	Sở Tài chính
6.4	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	4	3.06	3.4	
6.4.1	<i>Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị</i>	1	0.75	0.85	Sở Tài chính
6.4.2	<i>Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công</i>	1	0.75	0.85	Sở Tài chính

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Chủ trì tham mưu
6.4.3	<i>Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</i>	1	0.79	0.85	Sở Tài chính
6.4.4	<i>Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập</i>	1	0.77	0.85	Sở Tài chính
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	13	10.16	12.5	
7.1	Ứng dụng CNTT của tỉnh	5.5	4.5	5.5	
7.1.1	<i>Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh</i>	0.5	0.5	0.5	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.2	<i>Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính Nhà nước dưới dạng điện tử</i>	1	1	1	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.3	<i>Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)</i>	1	1	1	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.4	<i>Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử</i>	1	1	1	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.5	<i>Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công</i>	1	1	1	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.6	<i>Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh</i>	1	0	1	Văn phòng UBND tỉnh
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1.25	0.56	1.25	
7.2.1	<i>Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm</i>	0.25	0	0.25	Sở Thông tin và Truyền thông
7.2.2	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4</i>	1	0.56	1	Sở Thông tin và Truyền thông
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	1.25	1	1.25	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Chủ trì tham mưu
7.3.1	<i>Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI</i>	0.25	0	0.25	Sở Thông tin và Truyền thông
7.3.2	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI</i>	0.5	0.5	0.5	Sở Thông tin và Truyền thông
7.3.3	<i>Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI</i>	0.5	0.5	0.5	Sở Thông tin và Truyền thông
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	1	1	1	Sở Khoa học và Công nghệ
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4	3.1	3.5	
7.5.1	<i>Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh</i>	1	0.8	0.9	Sở Thông tin và Truyền thông
7.5.2	<i>Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của tỉnh</i>	1	0.77	0.85	Sở Thông tin và Truyền thông
7.5.3	<i>Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh</i>	1	0.8	0.9	Sở Thông tin và Truyền thông
7.5.4	<i>Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO</i>	1	0.73	0.85	Sở Khoa học và Công nghệ
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH	16	13.36	14.2	
8.1	Kết quả Chỉ số hài lòng (SIPAS)	10	7.54	8.2	Sở Nội vụ
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	1	1	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh	2	1.82	2	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Chủ trì tham mưu
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1	1	1	Sở Tài chính
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	1	1	1	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	1	1	1	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	TỔNG ĐIỂM	100	79.53	92.81	

Phụ lục II
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI THIỆN CHỈ SỐ PAR INDEX VÀ CHỈ SỐ SIPAS NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH					
1.1	Kế hoạch CCHC năm	Kế hoạch CCHC	- Xác định đầy đủ 07 nội dung CCHC theo quy định của Chính phủ; - Hoàn thành 100% Kế hoạch.	Quý IV	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Báo cáo của UBND tỉnh	Đúng thời gian, nội dung theo yêu cầu, quy định	Theo quy định của Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
1.3	Công tác kiểm tra CCHC					
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm	- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; - Thông báo kết luận kiểm tra; - Báo cáo kết quả kiểm tra.	Đạt từ 30% cơ quan, đơn vị trở lên	Quý III	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản, kết luận của Đoàn kiểm tra yêu cầu khắc phục tồn tại, hạn chế qua kiểm tra; - Báo cáo của các đơn vị, địa phương kết quả khắc phục các tồn tại hạn chế qua kiểm tra 	100 % số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Quý III	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC					
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC định kỳ; - Các tài liệu kiểm chứng có liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch tuyên truyền CCHC. 	Hoàn thành 100% kế hoạch	Trước ngày 01/12	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Đắk Lắk; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.
1.4.2	Mức độ đa dạng hóa trong tuyên truyền CCHC	Báo cáo kết quả tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Lắk	Đa dạng trong tuyên truyền (tin, bài, cuộc thi tìm hiểu...)	Trước ngày 01/12	Sở Nội vụ	

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
1.5	Sáng kiến trong CCHC	Được UBND tỉnh phê duyệt hoặc Trung ương cho phép thí điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC trở lên; - Sáng kiến lần đầu tiên được áp dụng. Đã và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của tỉnh. 	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Báo cáo theo dõi của UBND tỉnh	Hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ được giao trong năm	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
2	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT					
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật					

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh	Đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành	Trong năm 2020	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh; - Đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền. 	Căn cứ kết quả hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP	Trong năm 2020	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
2.2	Xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau rà soát	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau rà soát; - Các văn bản quy định công bố kết quả rà soát của cơ quan có thẩm quyền; Quyết định của UBND cấp huyện về công bố kết quả rà soát 	Số văn bản đã được xử lý/kiến nghị xử lý so với tổng số văn bản QPPL phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát đạt 100%	Trong năm 2020	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
		văn bản QPPL do UBND huyện ban hành; - Văn bản thể hiện việc xử lý những văn bản không còn phù hợp phát hiện qua rà soát.				
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	Các văn bản thể hiện việc xử lý văn bản QPPL trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	<i>Số văn bản đã được xử lý (hoặc kiến nghị xử lý)/tổng số văn bản phát hiện qua kiểm tra, đạt 100%</i>	Trong năm 2020	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)					
3.1	Kiểm soát quy định TTHC					
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh	TTHC ban hành đúng thẩm quyền, không có TTHC ban hành trái thẩm quyền	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh; - Các Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hoá TTHC.	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
3.2	Công bố, công khai TTHC					
3.2.1	Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh; - Các quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.	100% số TTHC được công bố đầy đủ, kịp thời	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh; - TTHC phải được nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.	Đầy đủ, kịp thời theo quy định	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	
3.2.3	Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo CCHC năm của tỉnh. - Các Quyết định ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC của tỉnh	<i>100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã được ban hành quy trình nội bộ giải quyết</i>	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
3.2.4	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh/Cổng Dịch vụ công tỉnh và Cổng/Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo CCHC năm của tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng TTĐT và Cổng Dịch vụ công tỉnh công khai 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 3 cấp chính quyền tại địa phương; - Trang TTĐT của các sở, ngành; UBND cấp huyện công khai 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị mình. 	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
3.2.5	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công tỉnh	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo CCHC năm của tỉnh	100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng Dịch vụ công tỉnh về tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC.	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông					
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định UBND tỉnh ban hành Danh mục TTHC thực hiện tại Trung tâm hành chính công; - Quyết định ban hành Danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Quyết định ban hành Danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa cấp xã; - Báo cáo của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo UBND tỉnh về công tác CCHC năm của tỉnh. 	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 03 cấp chính quyền được tiếp nhận và trả kết quả giải tại Bộ phận Một cửa các cấp	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định UBND tỉnh ban hành Danh mục TTHC ngành dọc thực hiện tại Bộ phận một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt; 	100% số TTHC theo danh mục quy định Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 được thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
	của bộ, ngành Trung ương (Quyết định số 1292/QĐ-TTg ngày 07/10/2019...)	- Báo cáo của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo UBND tỉnh về công tác CCHC năm của tỉnh.				
3.3.3	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	- Báo cáo của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo UBND tỉnh về công tác CCHC năm của tỉnh; - Danh mục TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp.	Từ 50 TTHC trở lên	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
3.3.4	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	Danh mục TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	Từ 30 TTHC trở lên	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
3.4	Kết quả giải quyết TTHC					
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Báo cáo của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo UBND tỉnh về công tác CCHC năm của tỉnh	Hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn đạt tỷ lệ 99% trở lên	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Báo cáo của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo UBND tỉnh về công tác CCHC năm của tỉnh	Hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn đạt tỷ lệ 99% trở lên	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp huyện
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Báo cáo của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo UBND tỉnh về công tác CCHC năm của tỉnh	Hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn đạt tỷ lệ 99% trở lên	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp huyện, UBND cấp xã
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	Có văn bản xin lỗi của cơ quan đơn vị gửi đến người dân, doanh nghiệp	100% hồ sơ TTHC giải quyết trễ hẹn được xin lỗi đầy đủ, đúng quy định	Trong năm 2020	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	Báo cáo của UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo UBND tỉnh về công tác CCHC năm của tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC và công khai kết quả đánh giá; - 100% UBND cấp huyện thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC và công khai kết quả đánh giá; - 80% UBND cấp xã thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC và công khai kết quả đánh giá. 	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã
3.5	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh					
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	Báo cáo UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC của tỉnh	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	Báo cáo UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC của tỉnh	100% số PAKN được công khai trả lời đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY					
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy					
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh	100 % số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đúng quy định	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo thống kê về số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi đánh giá	- Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp sở và tương đương; - Số lượng lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc phải ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.			

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh trong năm đánh giá	Thực hiện giảm 10% số đơn vị sự nghiệp công lập trên toàn tỉnh giảm so với năm 2015	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao					
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá	Số lượng biên chế hành chính của tỉnh đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá	Đạt tỷ lệ 10%	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý					
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	Các văn bản triển khai quy định về phân cấp quản lý	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về phân cấp quản lý nhà nước	Trong năm 2020	Sở Nội vụ; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định của Chính phủ	Trong năm 2020	Sở Nội vụ; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	Các Thông báo kết luận kiểm tra; các văn bản đã xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Trong năm 2020	Sở Nội vụ; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC					
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm					
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh; - Bản mô tả công việc; Khung năng lực của vị trí việc làm được phê duyệt.	100% cơ quan, tổ chức, địa phương hoàn thành việc phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của tỉnh; - Bản mô tả công việc; Khung năng lực của vị trí việc làm được phê duyệt. 	Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm cho 100% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh và Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp trực thuộc	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng công chức	100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng viên chức	Việc tuyển dụng viên chức tại 100% đơn vị sự nghiệp công lập (chỉ tính đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh) tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh					
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi nâng ngạch hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả thi nâng ngạch công chức.	Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức theo thẩm quyền của tỉnh (hoặc được ủy quyền) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi xét/thăng hạng hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả thi/xét thăng hạng.	Việc tổ chức thi, xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành			
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định bổ nhiệm; - Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm. 	100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương; số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương; số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
5.5	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức					
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của tỉnh	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm	Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên; cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC)	Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của tỉnh	Hoàn thành 100% kế hoạch	Trước ngày 31/01 năm sau	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã					
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo về kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh	100% công chức cấp xã đạt chuẩn	Trong năm 2020	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện; UBND cấp xã
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo về kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh	100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn			
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách					
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh	Giải ngân 90% trở lên so với kế hoạch	Trong năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.1.2	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương.	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh. Quyết định của UBND tỉnh về giao quyền tự chủ về tài chính cho các địa phương, đơn vị	Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện	Trong năm 2020	Sở Tài chính	

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh. Quyết định của UBND tỉnh về giao quyền tự chủ về tài chính cho các địa phương, đơn vị	100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán được thực hiện	Trong năm 2020	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công					
6.2.1	Ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Văn bản của tỉnh quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý	Thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017	Trong năm 2020	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
6.2.2	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP	Văn bản của tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152//2017/NĐ-CP				

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Báo cáo tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất kèm theo văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017	Thực hiện đúng quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP			
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	Báo cáo kết quả kiểm tra; Biên bản kiểm tra; Thông báo kết luận kiểm tra	Thực hiện kiểm tra theo Nghị định 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017	Trong năm 2020	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh					
6.3.1	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tỉnh và các văn bản giao tự chủ tài chính	Số đơn vị tăng so với năm 2019	Trong năm 2020	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
6.3.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh và các văn bản giao tự chủ tài chính	Số đơn vị tăng so với năm 2019			

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
6.3.3	Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại Các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	100% đơn vị thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm			
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	Báo cáo về việc số lượng đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và số lượng đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên năm 2020	Giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015 từ 10% trở lên			
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH					
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh					
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh	Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử và tổ chức triển khai, duy trì Kiến trúc theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông	Trong năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh	Tổng số văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử đạt 100% (trừ các văn bản mật)			Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã
7.1.3	Thực hiện kết nối, liên thông các (từ cấp tỉnh đến cấp xã)		Phần mềm quản lý văn bản kết nối liên thông 4 cấp			
7.1.4	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử		Hệ thống iGate kết nối liên thông tới 100% sở, ngành, huyện, xã			
7.1.5	Xây dựng, vận hành Công dịch vụ công	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh và tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Cổng dịch vụ công của tỉnh được xây dựng phải đáp ứng đầy đủ các chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Trong năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã
7.1.6	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh và tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Hệ thống thông tin báo cáo phải đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật và tuân thủ quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông		Văn phòng UBND tỉnh	

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến					
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh và tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Từ 50% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ	Trong năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh và tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Từ 20% số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến trở lên <i>so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên (cả trực tuyến và truyền thống)</i>			
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)					
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của tỉnh và tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ	Trong năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; Bưu điện tỉnh

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của tỉnh và tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Từ 10% số hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác)	Trong năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; Bưu điện tỉnh
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của tỉnh và tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Từ 10% số hồ sơ TTHC đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm (bao gồm trả qua dịch vụ BCCI và trả qua hình thức khác)			
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định					
7.4.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định	Các quyết định công bố ISO hoặc báo cáo thống kê của Sở Khoa học và Công nghệ	100% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 hoặc 9001:2015	Trong năm 2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
7.4.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	Các Báo cáo ISO hoặc Báo cáo kết quả thực hiện ISO của Sở khoa học và Công nghệ	100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy trình ISO so với tổng số cơ quan đã công bố ISO			
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH					
8.1	Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh (Chỉ số SIPAS)					
8.1.1	Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ	Bố trí kinh phí, đầu tư trang bị và nâng cấp các thiết bị làm việc tại Bộ phận một cửa các cấp	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, 100% Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã đáp ứng yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển hiệu Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả rõ ràng, dễ thấy; - Bố trí đầy đủ ghế ngồi cho người dân, tổ chức; - Trang thiết bị phục vụ cho người dân tổ chức đầy đủ; 	Trong năm	Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
			- Trang thiết bị phục vụ cho người dân tổ chức dễ sử dụng.			
8.1.2	Chỉ số hài lòng về TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ 6 tháng tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về TTHC, giải quyết TTHC; - Thanh tra, kiểm tra việc giải quyết TTHC, quy trình nghiệp vụ của cán bộ, công chức tham gia giải quyết TTHC 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định TTHC được niêm yết công khai đầy đủ, dễ thấy; - Thành phần hồ sơ TTHC yêu cầu nộp đúng quy định; - Mức phí/lệ phí yêu cầu nộp đúng quy định; - Thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC đúng quy định. 	Thường xuyên	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã
8.1.3	Chỉ số hài lòng về công chức	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức có năng lực chuyên môn và tinh thần, thái độ phục vụ, kỹ năng giao tiếp tốt tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp; - Tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn, kỹ năng giao tiếp cho cán 	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức có thái độ giao tiếp lịch sự; - Công chức chăm chú lắng nghe; - Công chức trả lời, giải thích đầy đủ; - Công chức hướng dẫn kê khai hồ sơ dễ hiểu; - Công chức hướng dẫn kê khai hồ sơ 01 lần là có thể hoàn thiện hồ sơ; 	Trong năm 2020	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
		bộ, công chức tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp.	- Công chức giải quyết công việc đúng quy định; - Công chức tận tình giúp đỡ.			
8.1.4	Chỉ số hài lòng về kết quả cung ứng dịch vụ	Tổ chức đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP	Kết quả cung ứng dịch vụ cho người dân/tổ chức phải đúng theo quy định và thể hiện đầy đủ, chính xác các thông tin	Thường xuyên	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã
8.1.5	Chỉ số hài lòng về tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý phản ánh, kiến nghị	Công khai tất cả PAKN về TTHC do tỉnh tiếp nhận trực tiếp và các PAKN do Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tiếp nhận và yêu cầu tỉnh giải quyết	Khi nhận được góp ý, phản ánh, kiến nghị phải xử lý và thông báo kết quả cho người phản ánh kịp thời và đầy đủ thông tin	Thường xuyên	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm	Tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm (đơn vị tính là: tỷ đồng) cao hơn so với năm 2019	Trong năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực	Sản phẩm	Yêu cầu chất lượng	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Thực hiện
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh					
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2020	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm	Tổng số doanh nghiệp thành lập mới tăng từ 20% trở lên so với năm 2019	Trong năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào thu ngân sách của tỉnh	Báo cáo kết quả thực hiện ngân sách nhà nước của tỉnh	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp trong năm đánh giá tăng hơn so với năm 2019	Trong năm 2020	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm	Thu ngân sách của tỉnh trong năm vượt chỉ tiêu được Chính phủ giao	Trong năm 2020	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm	Tỷ lệ GRDP của tỉnh tăng cao hơn so với năm 2019		Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm	Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đạt và vượt chỉ tiêu do HĐND tỉnh giao			